



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và  
các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết  
thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thông tin về Công ty**

**Quyết định thành lập số** 1256/ GP-UB ngày 16 tháng 6 năm 1994

**Giấy Chứng Nhận**  
**Đăng ký kinh doanh số**

0103000008	ngày 29 tháng 2 năm 2000
0103000008	ngày 16 tháng 3 năm 2004
0103000008	ngày 28 tháng 6 năm 2004
0103000008	ngày 25 tháng 4 năm 2005
0103000008	ngày 20 tháng 6 năm 2006
0103000008	ngày 26 tháng 7 năm 2006
0103000008	ngày 1 tháng 9 năm 2006
0103000008	ngày 11 tháng 12 năm 2006
0103000008	ngày 27 tháng 6 năm 2007
0103000008	ngày 12 tháng 2 năm 2008
0103000008	ngày 14 tháng 1 năm 2009
0103000008	ngày 20 tháng 4 năm 2009

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty đã được điều chỉnh 12 lần, lần gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0130000008 ngày 20 tháng 4 năm 2009. Giấy Chứng Nhận Đăng ký kinh doanh do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Võ Văn Mai	Chủ tịch
	Ông Tôn Quốc Bình	Thành viên
	Ông Nguyễn Quang Hải	Thành viên
	Ông Trương Tuấn Lâm	Thành viên
	Ông Chu Hào	Thành viên
	Bà Võ Hạnh Phúc	Thành viên

<b>Ban Giám đốc</b>	Ông Nguyễn Quang Hải	Tổng Giám đốc
	Ông Nghiêm Tiến Sỹ	Phó Tổng Giám đốc
	Ông Nguyễn Ngọc Minh	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 1 tháng 2 năm 2010)

**Trụ sở đăng ký** 152 Thụy Khuê  
Phường Thụy Khuê  
Tây Hồ, Hà Nội  
Việt Nam

**Công ty kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **BÁO CÁO VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất của từng năm tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận (“VAS”) nhằm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”); kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Để lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán này;
- đưa ra các đánh giá và ước tính hợp lý và cẩn trọng;
- khẳng định rằng các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ, ngoại trừ khác biệt trọng yếu nào được công bố và giải trình trong các báo cáo tài chính hợp nhất này; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở giả định hoạt động liên tục trừ khi việc giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh là không thích hợp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo lưu giữ sổ sách kế toán hợp lý, nhằm công bố, với sự chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn để đảm bảo rằng sổ sách kế toán tuân thủ theo các yêu cầu của VAS. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo toàn các tài sản của Tập đoàn và theo đó có trách nhiệm thực hiện các biện pháp hợp lý nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và các hành vi trái quy định khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con đã tuân thủ các yêu cầu trên khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.



Hà Nội, Việt Nam

Ngày:



**KPMG Limited**  
16<sup>th</sup> Floor, Pacific Place  
83B Ly Thuong Kiet Street  
Hoan Kiem District, Hanoi  
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone + 84 (4) 3946 1600  
Fax + 84 (4) 3946 1601  
Internet www.kpmg.com

## **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi các Cổ đông  
Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**

### **Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến ngoại trừ đối với các báo cáo tài chính hợp nhất này trong báo cáo kiểm toán ngày 31 tháng 3 năm 2009 vì vấn đề sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Tập đoàn ghi nhận phần lãi/(lỗ) từ đầu tư vào các công ty liên kết dựa trên các báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các công ty liên kết, bao gồm Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng, Công ty TNHH Giải pháp HIMC, Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D, Công ty Cổ phần Di động trực tuyến, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt và Thời báo Doanh nhân. Kết quả là, công ty kiểm toán năm trước không thể xác định được tính đầy đủ, tính hiện hữu và tính chính xác của phần lãi/(lỗ) từ đầu tư vào các công ty liên kết, và ảnh hưởng của chúng đối với các số dư khác trên các báo cáo tài chính nếu có tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Ngoại trừ các vấn đề được nêu trong phần cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

## **Cơ sở đưa ra ý kiến ngoại trừ**

### ***Số dư đầu năm***

Chúng tôi chỉ được chỉ định là đơn vị kiểm toán cho Tập đoàn sau ngày 31 tháng 12 năm 2008, và do đó chúng tôi không có mặt để chứng kiến việc kiểm kê hàng tồn kho tiền hàng tại ngày này. Ngoài ra, một vài thông tin liên quan đến các số liệu so sánh không có sẵn cho mục đích trình bày các thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán nào khác để xác định số lượng hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và ảnh hưởng, nếu có, đến lợi nhuận thuần và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, và việc phân loại một số số liệu so sánh được trình bày trong phần thuyết minh các báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty ghi nhận hàng tồn kho trị giá 40.742 triệu VNĐ theo nguyên giá trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Theo ý kiến của chúng tôi, và theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 2 – Hàng tồn kho, hàng tồn kho phải được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa nguyên giá và giá trị thuần có thể thực hiện được. Do không được cung cấp thông tin, chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất, nếu có, của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho bị trích lập thiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, tính đầy đủ, tính hiện hữu và tính chính xác của các tài sản/công nợ liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí/lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan và ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày.

Phần lỗ từ đầu tư vào các công ty liên kết cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được xác định dựa trên các báo cáo tài chính chưa được kiểm toán của các công ty liên kết, bao gồm Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng, Công ty TNHH Giải pháp HIMC, Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D, Công ty Cổ phần Di động trực tuyến, Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt và Thời báo Doanh nhân. Tại ngày lập báo cáo này, Tập đoàn chưa được cung cấp các báo cáo tài chính đã kiểm toán cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của các công ty này. Do đó, chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục kiểm toán nào khác để xác định phần lỗ từ đầu tư vào các công ty liên kết, tính đầy đủ, tính hiện hữu và tính chính xác của các tài sản/công nợ liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí/lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan và ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

### ***Dự phòng giảm giá hàng tồn kho***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty ghi nhận hàng tồn kho trị giá 7.757 triệu VNĐ theo nguyên giá trong các báo cáo tài chính. Theo ý kiến của chúng tôi, và theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 2 – Hàng tồn kho, hàng tồn kho phải được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa nguyên giá và giá trị thuần có thể thực hiện được. Do không được cung cấp thông tin, chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất, nếu có, của khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho bị trích lập thiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tính đầy đủ, tính hiện hữu và tính chính xác của các tài sản/công nợ liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí/lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan và ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày.

### ***Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn khác***

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có các khoản đầu tư dài hạn khác trị giá 11.055 triệu VNĐ. Do không được cung cấp thông tin, chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất, nếu có, của giá trị khoản dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn bị trích lập thiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tính đầy đủ, tính hiện hữu và tính chính xác của các tài sản/công nợ liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí/lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan và ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày.

### **Phần lãi/(lỗ) từ đầu tư vào các công ty liên kết**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trị giá 28.234 triệu VNĐ, phần lãi/(lỗ) của các khoản đầu tư này chưa được ghi nhận. Do không được cung cấp thông tin, chúng tôi không thể xác định ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính hợp nhất, nếu có, của phần lãi/(lỗ) bị ghi nhận thiếu từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết này tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và lợi nhuận cho năm kết thúc cùng ngày, tính đầy đủ, tính hiện hữu và tính chính xác của các tài sản/công nợ liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp, chi phí/lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp liên quan và ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần và lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày.

### **Thư xác nhận**

Chúng tôi đã không thể thu thập được các thư xác nhận của các bên thứ ba liên quan đến một số số dư phải thu và phải trả và thực hiện các thủ tục kiểm toán thay thế khác để xác định tính đầy đủ, tính hiện hữu, tính chính xác và tính giá trị của các khoản phải thu – thương mại và phải trả – thương mại trị giá tương ứng là 29 tỷ VNĐ và 6 tỷ VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

### **Ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đối với các báo cáo tài chính hợp nhất của những vấn đề nêu trên, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, về tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 09-02-141



Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0557/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 30 -03- 2010

Trần Hằng Thu

Chứng chỉ kiểm toán viên số N.0877/KTV

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009**


	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ Đã điều chỉnh lại
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>408.207.075.129</b>	<b>330.335.219.445</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>3</b>	<b>95.964.936.328</b>	<b>94.026.605.677</b>
Tiền	111		73.464.936.328	55.885.605.677
Các khoản tương đương tiền			22.500.000.000	38.141.000.000
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>410.956.794</b>	<b>-</b>
Đầu tư ngắn hạn	121		410.956.794	-
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>4</b>	<b>270.794.208.643</b>	<b>173.940.571.637</b>
Phải thu khách hàng	131		222.926.130.546	128.434.776.644
Trả trước cho người bán	132		22.949.823.118	13.909.441.499
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134	4	10.410.562.564	28.559.416.317
Các khoản phải thu khác	135	4	15.875.509.009	4.026.856.958
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4	(1.367.816.594)	(989.919.781)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>37.063.580.069</b>	<b>53.454.685.391</b>
Hàng tồn kho	141		37.111.003.686	53.454.685.391
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(47.423.617)	-
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>3.973.393.295</b>	<b>8.913.356.740</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		565.713.410	109.155.047
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		226.603.682	191.478.815
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		965.114	14.799.815
Tài sản ngắn hạn khác	158		3.180.111.089	8.597.923.063
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>190.732.412.494</b>	<b>179.166.399.235</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>42.750.406.990</b>	<b>69.229.036.505</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	6	14.042.255.324	17.657.142.936
Nguyên giá	222		34.613.778.741	34.455.698.685
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(20.571.523.417)	(16.798.555.749)
Tài sản cố định vô hình	227	7	3.754.663.872	4.329.498.399
Nguyên giá	228		5.257.756.533	5.879.313.553
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.503.092.661)	(1.549.815.154)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	8	24.953.487.794	47.242.395.170
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>8</b>	<b>23.790.230.456</b>	<b>-</b>
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>9</b>	<b>111.288.173.933</b>	<b>104.288.173.933</b>
Đầu tư vào các công ty liên kết, liên doanh	252	9	28.233.583.933	16.233.583.933
Đầu tư dài hạn khác	258		83.054.590.000	88.054.590.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.903.601.115</b>	<b>5.649.188.797</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	3.466.391.435	4.194.389.494
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	12	8.114.566.000	216.617.074
Tài sản dài hạn khác	268		275.437.979	-
Lợi thế thương mại	269	13	1.047.205.701	1.238.182.229
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>598.939.487.623</b>	<b>509.501.618.680</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**


	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2009 VNĐ</b>	<b>31/12/2008 VNĐ Đã điều chỉnh lại</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>273.063.161.169</b>	<b>217.130.382.867</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>232.297.482.797</b>	<b>179.206.371.968</b>
Vay ngắn hạn	311	14	87.880.500.400	84.343.487.119
Phải trả người bán	312		62.123.047.630	53.705.065.255
Người mua trả tiền trước	313		8.142.315.200	27.167.925.825
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	15	29.639.738.790	10.091.972.411
Phải trả công nhân viên	315		1.124.154.753	2.236.288.902
Chi phí phải trả	316		4.552.804.579	639.582.260
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	318		3.884.164.033	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	16	34.950.757.412	1.022.050.196
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>40.765.678.372</b>	<b>37.924.010.899</b>
Phải trả dài hạn khác	333	17	37.898.588.372	36.098.588.372
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336	18	2.146.090.000	1.319.240.000
Dự phòng	337	18	721.000.000	506.182.527
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>325.876.326.454</b>	<b>292.371.235.813</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>19</b>	<b>325.859.085.159</b>	<b>292.129.086.416</b>
Vốn cổ phần	411	19	96.090.620.000	96.090.620.000
Thặng dư vốn	412		170.435.150.000	170.435.150.000
Cổ phiếu quỹ	414	19	(1.151.640.000)	(23.471.256.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	2(c)	(1.800.856.659)	-
Quỹ đầu tư phát triển	417	20	3.592.071.440	6.055.955.672
Quỹ dự phòng tài chính	418	20	-	2.267.738.357
Lợi nhuận chưa phân phối	420		58.693.740.378	40.750.878.387
<b>Các quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>15.380.308</b>
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431	20	-	15.380.308
<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>17.241.295</b>	<b>226.769.089</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>598.939.487.623</b>	<b>509.501.618.680</b>

Người lập:

  
 Nguyễn Trần Hiền  
 Kế toán trưởng



Người duyệt:

  
 Nguyễn Quang Hải  
 Tổng Giám đốc

30 -03- 2010

*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ	2008 VNĐ Đã điều chỉnh lại
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>21</b>	<b>700.196.015.047</b>	<b>512.927.697.946</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>02</b>	<b>21</b>	<b>(320.327.841)</b>	<b>(2.981.540.180)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>699.875.687.206</b>	<b>509.946.157.766</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>22</b>	<b>(530.449.628.742)</b>	<b>(403.044.341.935)</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>169.426.058.464</b>	<b>106.901.815.831</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	7.034.966.109	5.745.868.861
Chi phí tài chính	22	24	(26.225.602.074)	(14.847.108.332)
Chi phí bán hàng	24		(24.332.499.451)	(9.484.840.052)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(52.176.290.633)	(36.250.656.249)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>73.726.632.415</b>	<b>52.065.080.059</b>
<b>Kết quả từ các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31		1.452.119.138	1.292.388.598
Chi phí khác	32	25	(4.480.840.787)	(1.366.982.010)
<b>Lỗ từ đầu tư vào các công ty liên kết</b>	<b>40</b>		<b>-</b>	<b>(934.800.781)</b>
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>70.697.910.766</b>	<b>51.055.685.866</b>
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>26</b>	<b>(17.497.295.098)</b>	<b>(7.444.493.235)</b>
<b>Lợi ích thuế TNDN hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>26</b>	<b>7.897.948.926</b>	<b>248.185.176</b>
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b>	<b>60</b>		<b>61.098.564.594</b>	<b>43.859.377.807</b>
<b>Phân bổ cho:</b>				
Cổ đông thiểu số	61		(209.527.794)	(12.275.075)
Chủ sở hữu của Công ty	62		61.308.092.388	43.871.652.882
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	4.148	2.980

Người lập:

Nguyễn Trần Hiền  
Kế toán trưởng

30 -03- 2010



Người duyệt:

Nguyễn Quang Hải  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008 -  
 đã báo cáo trước đây  
 Ảnh hưởng của việc điều chỉnh lại  
 (xem Thuyết minh 34)

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VNĐ	Quỹ phúc lợi nhân viên VNĐ	Lợi ích của cổ đông thiểu số VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2008 - Đã điều chỉnh lại	85.499.980.000	170.435.150.000	(1.151.640.000)	-	6.055.955.672	2.267.738.357	22.612.543.291	285.719.727.320	7.489.275.711	288.656.024	293.497.659.055
Vốn cổ phần đã phát hành - đa điều chỉnh lại	10.590.640.000	-	-	-	-	-	-	10.590.640.000	-	-	10.590.640.000
Lợi nhuận thuần trong năm - đa điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	-	-	43.871.652.882	-	(12.275.075)	43.859.377.807
Cổ tức (Thuyết minh 28) - đa điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	-	(21.185.500.000)	(21.185.500.000)	-	-	(21.185.500.000)
Sử dụng các quỹ - đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	-	-	-	(7.473.895.403)	-	(7.473.895.403)
Mua lại doanh nghiệp từ cổ đông thiểu số - đã điều chỉnh lại	-	-	-	-	-	-	307.151.336	307.151.336	-	(49.611.860)	257.539.476
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2009 - Đã điều chỉnh lại</b>	<b>96.090.620.000</b>	<b>170.435.150.000</b>	<b>(23.471.256.000)</b>	<b>-</b>	<b>6.055.955.672</b>	<b>2.267.738.357</b>	<b>40.750.878.387</b>	<b>292.129.086.416</b>	<b>15.380.308</b>	<b>226.769.089</b>	<b>292.371.235.813</b>

	Vốn cổ phần VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Cổ phiếu quỹ VNĐ	Chênh lệch tỷ giá VNĐ	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VNĐ	Quỹ phúc lợi nhân viên VNĐ	Lợi ích của cổ đông thiểu số VNĐ	Tổng cộng VNĐ
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	96.090.620.000	170.435.150.000	(1.151.640.000)	(1.800.856.659)	3.592.071.440	7.804.956.637	58.693.740.378	325.859.085.159	10.417.096.486	17.241.295	325.876.326.454

Người lập:   
 Nguyễn Trần Hiền  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:   
 Nguyễn Quang Hải  
 Ông Giám đốc



30-03-2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

	<b>Mã</b>	<b>Thuyết</b>	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>số</b>	<b>minh</b>	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
				<b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>70.697.910.766</b>	<b>51.055.685.866</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		9.324.274.555	5.398.699.761
Các khoản dự phòng	03		1.706.948.874	2.203.319.340
Lỗi từ thanh lý tài sản cố định	05		-	40.537.268
Xóa sổ tài sản cố định	05		665.103.358	-
Thu nhập tiền lãi	05		(5.753.446.448)	(4.122.997.655)
Lỗi từ đầu tư vào các công ty liên kết	05		-	934.800.781
Chi phí lãi vay	06		7.849.104.326	9.078.627.968
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>84.489.895.431</b>	<b>64.588.673.329</b>
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(92.480.043.959)	(28.087.036.209)
Biến động hàng tồn kho	10		16.343.681.705	1.869.488.548
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		38.478.935.383	48.914.455.490
			<b>46.832.468.560</b>	<b>87.285.581.158</b>
Tiền lãi vay đã trả	13		(7.849.104.326)	(9.078.627.968)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(7.018.657.862)	(4.410.985.722)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(10.672.437.765)	(7.473.895.403)
<b>Tiền thuần thu từ các hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>21.292.268.607</b>	<b>66.322.072.065</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(6.382.004.267)	(2.903.693.141)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		-	76.520.000
Tiền chi đầu tư góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác	25		(12.000.000.000)	(59.601.954.000)
Tiền thu hồi đầu tư	26		5.000.000.000	66.544.426.667
Tiền thu lãi	27		5.753.446.448	4.122.997.655
<b>Tiền thuần (chi cho)/thu từ các hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(7.628.557.819)</b>	<b>8.238.297.181</b>

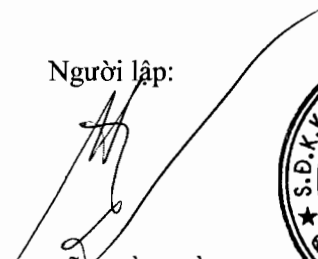
*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này*


**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

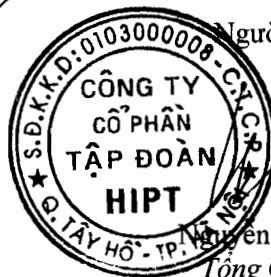
	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ	2008 VNĐ Đã điều chỉnh lại
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	31		3.706.387.500	-
Tiền chi mua lại cổ phiếu	32		-	(22.319.616.000)
Tiền vay ngắn hạn nhận được	33		310.137.199.217	218.447.609.642
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(306.600.185.936)	(200.703.471.622)
Tiền trả cổ tức	36		(19.066.528.000)	(10.594.860.000)
<b>Tiền thuần chi cho các hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(11.823.127.219)</b>	<b>(15.170.337.980)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>1.840.583.569</b>	<b>59.390.031.266</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>94.026.605.677</b>	<b>34.636.574.411</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>61</b>		<b>97.747.082</b>	<b>-</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>3</b>	<b>95.964.936.328</b>	<b>94.026.605.677</b>

**CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ CHỦ YẾU**

	2009 VNĐ	2008 VNĐ
Cổ tức trả bằng cổ phiếu	-	10.590.640.000

Người lập:   
 Nguyễn Trần Hiền  
 Kế toán trưởng

Người duyệt:   
 Nguyễn Quang Hải  
 Tổng Giám đốc



30 -03- 2010

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con** **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### **1. Đơn vị báo cáo**

Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Công ty và các công ty con của Công ty (sau đây gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại các công ty liên kết. Các hoạt động chính của Tập đoàn là cung cấp các dịch vụ và sản phẩm liên quan đến công nghệ thông tin (“CNTT”) như tích hợp hệ thống, phát triển và dịch vụ phần mềm, phân phối các sản phẩm CNTT; bảo dưỡng và bảo trì thiết bị CNTT.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn có 417 nhân viên (31/12/2008: 378 nhân viên).

### **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

##### **(i) Cơ sở kế toán chung**

Cáo báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VNĐ”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được Việt Nam chấp thuận.

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

##### **(ii) Cơ sở hợp nhất**

###### *Công ty con*

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị để thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

*Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu)*

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, đối với các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là những cơ sở kinh doanh mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát, được thiết lập bằng thỏa thuận hợp đồng và đòi hỏi sự nhất trí của các bên liên doanh đối với các quyết định chiến lược về tài chính và hoạt động. Công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu (các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu). Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày kết thúc của sự ảnh hưởng đáng kể hoặc đồng kiểm soát. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẽ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong đơn vị nhận đầu tư hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ khi khoản lỗ sau đó trong phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho đơn vị nhận đầu tư.

*Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất*

Các số dư trong nội bộ tập đoàn và khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các đơn vị nhận đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty được đầu tư.

**(b) Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Cho đến hết năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Tập đoàn áp dụng phi hồi tố Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 về ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái. Thông tư này hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái như sau:

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Các chênh lệch tỷ giá hối đoái này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau; và
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nếu Tập đoàn lựa chọn tiếp tục áp dụng chính sách kế toán trước đây để hạch toán các giao dịch ngoại tệ theo Chuẩn mực Kế toán số 10 – Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái, lãi hợp nhất thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 sẽ giảm 1.351 triệu VNĐ (sau khi trừ đi ảnh hưởng của thuế thu nhập hoãn lại là 450 triệu VNĐ).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**(d) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(e) Các khoản đầu tư**

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban lãnh đạo cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên hệ một cách khách quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(f) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(g) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Cho đến hết năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, nguyên giá được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, nguyên giá được xác định theo phương pháp đích danh. Do không thể áp dụng hồi tố chính sách kế toán mới vì thiếu thông tin, các số liệu so sánh không được điều chỉnh lại dường như chính sách kế toán đã tồn tại trong toàn bộ các kỳ báo cáo được trình bày. Nguyên giá bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(h) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	25 năm
▪ dụng cụ, thiết bị văn phòng	3 – 6 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 năm

**(i) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 25 năm.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 5-8 năm.

**(iii) Thương hiệu**

Chi phí mua thương hiệu và nhãn hiệu được ghi nhận là tài sản cố định vô hình. Thương hiệu và nhãn hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong toàn bộ thời gian hữu dụng ước tính.

**(j) Bất động sản đầu tư**

Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí phân bổ trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

**(k) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

**(l) Chi phí trả trước dài hạn**

**Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 15 đến 36 tháng.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**(m) Hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang**

Hợp đồng xây dựng cơ bản dở dang được phản ánh theo giá vốn cộng với lợi nhuận ước tính cho đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán trừ đi dự phòng lỗ dự kiến. Giá vốn phản ánh các khoản chi phí liên quan trực tiếp và có thể tính vào giá thành theo hợp đồng xây dựng.

**(n) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, công nợ và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lợi thế thương mại âm) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Khi kế toán các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

**(o) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

**(p) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

**(q) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính hợp nhất và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**(r) Doanh thu**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa chi phí đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại một thời điểm so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(s) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(t) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

**(u) Lãi trên cổ phiếu**

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

**(v) Các công ty liên quan**

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư và công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các nhà đầu tư này.

**(w) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Tiền mặt	1.317.224.937	11.725.375.542
Tiền gửi ngân hàng	72.147.711.391	44.160.230.135
Các khoản tương đương tiền	22.500.000.000	38.141.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	95.964.936.328	94.026.605.677

Bao gồm trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 có số ngoại tệ trị giá 8.041 triệu VNĐ (31/12/2008: 9.429 triệu VNĐ).

**4. Các khoản phải thu ngắn hạn**

Bao gồm trong các khoản phải thu có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Phải thu từ các công ty liên quan</b>		
Thương mại	5.378.274.085	361.530.048

Các khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có bảo đảm, không chịu lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng bao gồm:

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lũy kế doanh thu theo hợp đồng ghi nhận tại thời điểm đầu năm	16.581.220.704	38.632.720.348
Doanh thu theo hợp đồng ghi nhận trong năm	809.596.522	26.404.877.140
Lũy kế doanh thu theo hợp đồng ghi nhận tại thời điểm cuối năm	17.390.817.226	65.037.597.488
Hóa đơn phát hành theo tiến độ và các khoản tạm ứng của khách hàng	(6.980.254.662)	(36.478.181.171)
	10.410.562.564	28.559.416.317

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Phải thu các khoản cho nhân viên vay	12.884.449.191	-
Thanh toán hộ Ngân hàng Bảo Việt	-	2.200.000.000
Phải thu khác	2.991.059.818	1.826.856.958
	<hr/>	
	15.875.509.009	4.026.856.958
	<hr/>	

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	989.919.781	442.130.316
Tăng dự phòng trong năm	377.896.813	547.789.465
	<hr/>	
Số dư cuối năm	1.367.816.594	989.919.781
	<hr/>	

**5. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Hàng mua đang đi trên đường	7.879.066.423	15.720.854.962
Nguyên vật liệu	1.411.006.276	3.706.637.649
Công cụ và dụng cụ	58.213.404	-
Hàng hóa	27.360.871.807	33.647.586.624
Hàng gửi đi bán	401.845.776	379.606.156
	<hr/>	
	37.111.003.686	53.454.685.391
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(47.423.617)	-
	<hr/>	
	37.063.580.069	53.454.685.391
	<hr/>	

Bao gồm trong hàng hóa tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 có 75 triệu VNĐ (31/12/2008: Không) hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)**

**6. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Dụng cụ, thiết bị văn phòng VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	10.550.268.696	19.221.235.987	4.121.532.813	562.661.189	34.455.698.685
Tăng trong năm	-	388.821.844	-	-	388.821.844
Xóa sổ	-	(230.741.788)	-	-	(230.741.788)
Số dư cuối năm	10.550.268.696	19.379.316.043	4.121.532.813	562.661.189	34.613.778.741
<b>Khấu hao lũy kế</b>					
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	1.688.042.976	12.989.190.847	2.060.766.424	60.555.502	16.798.555.749
Khấu hao trong năm	422.010.748	2.922.192.349	515.191.602	58.979.203	3.918.373.902
Xóa sổ	-	(145.406.234)	-	-	(145.406.234)
Số dư cuối năm	2.110.053.724	15.765.976.962	2.575.958.026	119.534.705	20.571.523.417
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	8.862.225.720	6.232.045.140	2.060.766.389	502.105.687	17.657.142.936
Số dư cuối năm	8.440.214.972	3.613.339.081	1.545.574.787	443.126.484	14.042.255.324

Bao gồm trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình có các tài sản trị giá 8.317 triệu VND được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: 2.790 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị ghi sổ của thiết bị tạm thời không sử dụng trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 295 triệu VND (31/12/2008: 634 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 8.440 triệu VND (31/12/2008: 8.862 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**7. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VNĐ</b>	<b>Thương hiệu VNĐ</b>	<b>Phần mềm máy vi tính VNĐ</b>	<b>Tổng cộng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	3.926.442.619	588.000.000	1.364.870.934	5.879.313.553
Tăng trong năm	-	-	313.068.512	313.068.512
Xóa sổ	-	-	(934.625.532)	(934.625.532)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.926.442.619</b>	<b>588.000.000</b>	<b>743.313.914</b>	<b>5.257.756.533</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	628.230.816	288.429.632	633.154.706	1.549.815.154
Khấu hao trong năm	157.057.705	85.517.592	65.559.938	308.135.235
Xóa sổ	-	-	(354.857.728)	(354.857.728)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>785.288.521</b>	<b>373.947.224</b>	<b>343.856.916</b>	<b>1.503.092.661</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	3.298.211.803	299.570.368	731.716.228	4.329.498.399
Số dư cuối năm	3.141.154.098	214.052.776	399.456.998	3.754.663.872

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 các tài sản cố định vô hình có giá trị ghi sổ là 3.141 triệu VNĐ (31/12/2008: 3.298 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2009 VNĐ</b>	<b>2008 VNĐ Đã điều chỉnh lại</b>
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	47.242.395.170	46.381.080.442
Tăng trong năm	1.501.323.080	861.314.728
Chuyển sang bất động sản đầu tư (i)	(23.790.230.456)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>24.953.487.794</b>	<b>47.242.395.170</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 chi phí xây dựng cơ bản dở dang có giá trị là 21.300 triệu VNĐ (31/12/2008: 21.300 triệu VNĐ) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

Bao gồm trong nguyên giá của chi phí xây dựng cơ bản dở dang có 23.371 triệu VNĐ liên quan đến khu nhà thấp tầng của Công ty tại 152 Thụy Khuê. Việc xây dựng khu nhà này một phần do các cá nhân tài trợ với số tiền là 25.349 triệu VNĐ. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, việc xây dựng khu nhà này đã cơ bản hoàn thành tuy nhiên Công ty và các cá nhân liên quan vẫn chưa thỏa thuận xong về quyền sở hữu khu nhà và các nghĩa vụ tài chính của các bên. Theo đó, Công ty hiện tại ghi nhận tổng chi phí cho khu nhà này là chi phí xây dựng cơ bản dở dang và số tiền nhận được từ các cá nhân này là nợ phải trả dài hạn khác.

- (i) thể hiện nguyên giá quyền sử dụng lô đất 589,6 m<sup>2</sup> tại Thành phố Đà Nẵng được Ban lãnh đạo Công ty quyết định giữ để bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**9. Các khoản đầu tư**

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Đầu tư dài hạn dạng vốn chủ sở hữu vào:		
▪ các công ty liên kết	28.233.583.933	16.233.583.933
▪ các đơn vị khác	83.054.590.000	88.054.590.000
	111.288.173.933	104.288.173.933

Biến động các khoản đầu tư vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	16.233.583.933	12.918.384.714
Tăng trong năm	12.000.000.000	4.250.000.000
Lỗi từ đầu tư vào các công ty liên kết	-	(934.800.781)
	28.233.583.933	16.233.583.933

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**10. Các đơn vị trong Tập đoàn**

Dưới đây là danh sách các công ty con, công ty liên kết quan trọng của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12:

Tên	Hợp nhất	% sở hữu và quyền biểu quyết	
		2009	2008
<b>Các công ty con</b>			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Tin học HIPT (“HIST Ltd.”)	Có	100%	100%
Công ty TNHH Tích hợp Hệ thống HIPT (“HISI Ltd.”)	Có	100%	100%
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT (“HIVE Ltd.”)	Có	100%	100%
Công ty TNHH Giải pháp Tài chính và Ngân hàng HITP	Có	100%	100%
Công ty TNHH Tư vấn và Giải pháp CNTT HIPT (“HISC Ltd.”)	Có	100%	100%
Công ty Cổ phần Phát triển Nguồn Nhân lực Chân trời mới Hà Nội (“NEW JSC Co.”)	Có	78%	78%
Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Thông tin HIPT (“HISN Ltd.”) (i)	Có	100%	-
Trường Kỹ thuật thực hành HIPT (“Trường HIPT”)	Có	100%	100%

- (i) Công ty TNHH Hệ thống Dịch vụ Thông tin HIPT là một công ty con mới được thành lập trong năm 2009.

Toàn bộ các công ty con này có cùng địa chỉ với Công ty tại 152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

Các công ty liên kết	Địa chỉ	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu	% sở hữu và quyền biểu quyết	
			2009	2008
Công ty Cổ phần Đội Công nghệ 3D Hà Nội	Tầng 2, Căn hộ F, 28 Xuân La, phường Xuân La, Tây Hồ, Hà Nội	Có	25%	25%
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ nghệ Hàng không Việt	152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Có	35%	35%
Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin Lam Hồng	2 Vũ Quang, huyện Hà Tĩnh, Hà Tĩnh, Việt Nam	Có	33%	33%
Công ty TNHH Giải pháp HIMC	152 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Có	32%	32%
Công ty Cổ phần Di động Trực tuyến	781/C9 Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Có	25%	25%
Công ty Cổ phần Tin học - Viễn thông Hàng không	Tòa nhà Arimex, 414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội, Việt Nam	Có	20%	-
Thời báo Doanh nhân	64 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội, Việt Nam	Có	50%	50%

**11. Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	4.194.389.494	3.830.363.734
Tăng trong năm	4.178.790.831	3.852.411.362
Phân bổ trong năm	(4.906.788.890)	(3.488.385.602)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>3.466.391.435</b>	<b>4.194.389.494</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**12. Tài sản và công nợ thuế thu nhập hoãn lại**

**(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận**

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ Đã điều chỉnh lại
Tài sản thuế hoãn lại:		
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa được ghi nhận	-	216.617.074
Doanh thu chưa thực hiện	8.114.566.000	-
	<hr/>	<hr/>
Tổng tài sản thuế hoãn lại	8.114.566.000	216.617.074

**(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Chênh lệch tạm thời VNĐ	Giá trị tính thuế VNĐ	Chênh lệch tạm thời VNĐ Đã điều chỉnh lại	Giá trị tính thuế VNĐ Đã điều chỉnh lại
HISC Ltd.	25.350.526	6.337.631	25.350.526	6.337.631
HIST Ltd.	272.859.919	68.214.980	272.859.919	68.214.980
HISI Ltd.	1.388.698.902	347.174.726	602.633.824	150.658.456
NEW JSC Co.	1.874.458.404	468.614.601	922.059.341	230.514.835
Trường HIPT	3.845.554.441	961.388.610	3.521.837.394	880.459.349
HIVE Ltd.	17.676.666.654	4.419.166.664	700.328.384	175.082.096
HISN Ltd.	1.627.861.549	406.965.387	-	-
	<hr/>	<hr/>	<hr/>	<hr/>
	26.711.450.395	6.677.862.599	6.045.069.388	1.511.267.347

Lỗi tính thuế hết hạn trong các năm sau:

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán thuế	Số lỗi tính thuế VNĐ
2011	Đã quyết toán	1.481.156.815
2012	Chưa quyết toán	2.049.671.042
2013	Chưa quyết toán	2.514.241.531
2014	Chưa quyết toán	20.666.381.007
		<hr/>
		26.711.450.395

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

Chênh lệch tạm thời được khấu trừ không hết hạn theo các quy định thuế hiện hành. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì không có sự chắc chắn rằng sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các công ty con có thể sử dụng các lợi ích thuế của các khoản mục đó.

**13. Lợi thế thương mại**

	VNĐ
<b>Giá gốc</b>	
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại và số dư cuối năm	1.909.765.277
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	671.583.048
Khấu hao trong năm	190.976.528
Số dư cuối năm	862.559.576
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư cuối năm	1.047.205.701
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	1.238.182.229

**14. Vay ngắn hạn**

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ Đã điều chỉnh lại
Vay ngắn hạn		
Khoản vay 1 (a)	50.995.807.435	66.630.755.965
Khoản vay 2 (b)	36.884.692.965	17.712.731.154
	87.880.500.400	84.343.487.119

- a. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 11.581 triệu VNĐ (31/12/2008: 12.160 triệu VNĐ) được thế chấp cho bên cho vay. Khoản vay chịu lãi suất hàng năm trong khoảng từ 3% đến 10,5% (2008: 5% đến 9%). Khoản vay này có hạn mức tối đa là 150.000 triệu VNĐ. Dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 2,6 triệu USD (31/12/2008: 3,7 triệu USD).
- b. Khoản vay này được đảm bảo bằng các tài sản cố định với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 21.300 triệu VNĐ (31/12/2008: 21.300 triệu VNĐ) được thế chấp cho bên cho vay. Khoản vay chịu lãi suất hàng năm trong khoảng từ 6% đến 12% (2008: 6% đến 18%). Khoản vay này có hạn mức tối đa là 90.000 triệu VNĐ. Dư nợ gốc của khoản vay này tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1,2 triệu USD (31/12/2008: 1 triệu USD) và 61.645 EUR (31/12/2008: Không).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Thuế</b>		
Thuế giá trị gia tăng	10.957.046.248	2.145.741.560
Thuế xuất nhập khẩu	1.088.622.707	178.390.686
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.487.093.215	7.008.455.979
Thuế thu nhập cá nhân	104.255.820	741.084.372
Các loại thuế khác	2.720.800	18.299.814
	<b>29.639.738.790</b>	<b>10.091.972.411</b>

**16. Các khoản phải trả khác**

Phải trả khác gồm:

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Bảo hiểm y tế & bảo hiểm xã hội	19.394.163	239.062.941
Phí công đoàn	171.157.345	214.244.600
Doanh thu chưa thực hiện	33.951.406.750	121.788.000
Chi phí khác	808.799.154	446.954.655
	<b>34.950.757.412</b>	<b>1.022.050.196</b>

**17. Nợ dài hạn khác**

Nợ dài hạn khác bao gồm:

	<b>31/12/2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>31/12/2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Xây dựng khu nhà 152 Thụy Khuê (Thuyết minh 8)	25.348.588.372	25.348.588.372
Nguồn vốn đầu tư ủy thác	12.550.000.000	10.750.000.000
	<b>37.898.588.372</b>	<b>36.098.588.372</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**18. Dự phòng**

Biến động dự phòng trong năm như sau:

	<b>Chi phí bảo hành VNĐ</b>	<b>Trợ cấp thôi việc VNĐ</b>	<b>Tổng cộng VNĐ</b>
Số dư đầu năm - đã điều chỉnh lại	506.182.527	1.319.240.000	1.825.422.527
Trích lập dự phòng trong năm	313.112.496	968.515.948	1.281.628.444
Sử dụng dự phòng trong năm	(98.295.023)	(141.665.948)	(239.960.971)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>721.000.000</b>	<b>2.146.090.000</b>	<b>2.867.090.000</b>

**(i) Chi phí bảo hành**

Khoản dự phòng về chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới hàng hóa đã bán ra và dịch vụ đã cung cấp trong năm 2009 và 2008. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các sản phẩm và dịch vụ tương tự.

**(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc**

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 mươi lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2008 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty đã đóng 176 triệu VNĐ (2008: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**19. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ Đã điều chỉnh lại
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	15.062.200	150.622.000.000	15.062.200	150.622.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b> Cổ phiếu phổ thông	9.609.062	96.090.620.000	9.609.062	96.090.620.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b> Cổ phiếu phổ thông	75.798	1.151.640.000	321.073	23.471.256.000
<b>Cổ phiếu đang lưu hành</b> Cổ phiếu phổ thông	9.533.264	94.938.980.000	9.287.989	72.619.364.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2009		2008	
	Số cổ phiếu	VNĐ	Số cổ phiếu	VNĐ Đã điều chỉnh lại
Số dư đầu năm	9.287.989	72.619.364.000	8.228.925	62.028.724.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	1.059.064	10.590.640.000
Cổ phiếu quỹ tái phát hành trong năm	245.275	22.319.616.000	-	-
Số dư cuối năm	9.533.264	94.938.980.000	9.287.989	72.619.364.000

**20. Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu**

**(i) Quỹ đầu tư và phát triển**

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**(ii) Quỹ dự phòng tài chính**

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập để bảo vệ Công ty trước các rủi ro tài chính.

**(iii) Quỹ khen thưởng phúc lợi**

Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được thành lập phục vụ cho mục đích chi trả các phúc lợi cho nhân viên.

**21. Doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	641.458.297.957	491.745.994.785
▪ Cung cấp dịch vụ	49.186.561.339	10.393.661.515
▪ Cho thuê bất động sản đầu tư	9.551.155.751	10.788.041.646
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Hàng bán bị trả lại	(222.715.091)	(2.981.540.180)
▪ Giảm giá hàng bán	(97.612.750)	-
Doanh thu thuần	<u>699.875.687.206</u>	<u>509.946.157.766</u>

**22. Giá vốn hàng bán**

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Tổng giá vốn hàng bán của		
▪ Hàng hoá đã bán	504.840.586.820	396.074.813.511
▪ Dịch vụ đã cung ứng	24.862.500.092	5.212.335.633
▪ Bất động sản đầu tư cho thuê	699.118.213	1.757.192.791
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	47.423.617	-
	<u>530.449.628.742</u>	<u>403.044.341.935</u>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**23. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lãi tiền gửi	5.753.446.448	4.122.997.655
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	1.280.197.551	248.908.366
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	1.373.962.840
Doanh thu tài chính khác	1.322.110	-
	<hr/> 7.034.966.109	<hr/> 5.745.868.861

**24. Chi phí tài chính**

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Chi phí lãi vay	7.849.104.326	9.078.627.968
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	1.737.401.272
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	18.376.497.748	4.026.088.154
Chi phí tài chính khác	-	4.990.938
	<hr/> 26.225.602.074	<hr/> 14.847.108.332

**25. Chi phí khác**

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lỗ do thanh lý tài sản cố định hữu hình	-	117.057.268
Xóa sổ tài sản cố định	665.103.358	-
Trả bồi thường do vi phạm hợp đồng	2.032.580.000	617.586.351
Chi phí khác	1.783.157.429	632.338.391
	<hr/> 4.480.840.787	<hr/> 1.366.982.010



**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**26. Thuế thu nhập**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện tại	17.497.295.098	7.444.493.235
	<hr/> 17.497.295.098	<hr/> 7.444.493.235
<b>Thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(7.897.948.926)	(248.185.176)
	<hr/> 9.599.346.172	<hr/> 7.196.308.059

Lần quyết toán thuế TNDN gần đây nhất do Cục Thuế Hà Nội thực hiện liên quan đến năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006. Chi phí thuế TNDN của Tập đoàn liên quan đến năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007, 2008 và 2009 phụ thuộc vào sự rà soát và quyết toán của cơ quan thuế.

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lợi nhuận trước thuế	70.697.910.766	51.055.685.866
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	17.674.477.692	14.295.592.042
Ưu đãi thuế	(347.181.019)	(1.198.981.705)
Giảm thuế	(7.498.840.756)	(609.418.454)
Ảnh hưởng của việc miễn thuế	-	(1.198.981.705)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	(1.041.543.057)	(4.316.334.138)
Ảnh hưởng của việc thay đổi thuế suất	(92.835.889)	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận – lỗ	5.166.595.252	703.987.626
Chi phí không được khấu trừ thuế	966.812.461	463.434.895
Thu nhập không bị tính thuế	(2.703.078.617)	(6.897.164.524)
Các bút toán hợp nhất không chịu thuế	(2.525.059.895)	5.954.174.022
	<hr/> 9.599.346.172	<hr/> 7.196.308.059

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC (“Thông tư 03”) do Bộ Tài Chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009, hoạt động của Công ty thỏa mãn định nghĩa Doanh Nghiệp Nhỏ và Vừa và do đó Công ty được giảm 30% chi phí thuế thu nhập hiện hành cho quý bốn của năm 2008 và cả năm 2009. Khoản thuế được giảm cho quý bốn năm 2008 được tính dựa trên một phần tư lợi nhuận chịu thuế của năm 2008 theo hướng dẫn trong Thông tư 03.

**(c) Thuế suất áp dụng**

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, thuế suất thuế thu nhập của Công ty giảm từ 28% xuống 25% do thay đổi trong luật thuế thu nhập có hiệu lực.

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo các mức thuế suất từ 10% đến 25% lợi nhuận tính thuế theo các điều khoản trong Đăng ký kinh doanh tương ứng của từng công ty con và các quy định về thuế hiện hành.

**27. Lãi trên cổ phiếu**

**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 61.308.092.388 VNĐ (2008: 43.871.652.882 VNĐ) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 14.779.740 (2008: 14.721.949) cổ phiếu, được tính như sau:

**(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông**

	<b>2009</b> <b>VNĐ</b>	<b>2008</b> <b>VNĐ</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Lợi nhuận thuần trong năm	61.308.092.388	43.871.652.882

**(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền**

	<b>2009</b>	<b>2008</b> <b>Đã điều chỉnh lại</b>
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu năm	9.287.989	8.228.925
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng vào ngày 25 tháng 2 năm 2008	-	1.059.064
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành vào ngày 6 tháng 10 năm 2009	57.791	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng vào ngày 26 tháng 3 năm 2010	5.433.960	5.433.960
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009	14.779.740	14.721.949

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**28. Cổ tức**

Vào ngày 23 tháng 2 năm 2009 Hội đồng Quản trị của Công ty thông qua nghị quyết phân chia cổ tức trị giá 19.066.528.000 VNĐ (2.000 VNĐ/cổ phiếu) và giá trị này đã được thanh toán đầy đủ cho các cổ đông trong năm 2009.

Trong năm trước, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua nghị quyết phân phối cổ tức trị giá 21.185.500.000 VNĐ (25% lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007) bao gồm cổ tức cổ phiếu trị giá 10.590.640.000 VNĐ cho 1.059.064 cổ phiếu (xem Thuyết minh 19) và các khoản tương đương tiền trị giá 10.594.860.000 VNĐ (12,5% lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007).

**29. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài các số dư với các bên liên quan được nêu trong các thuyết minh khác của các báo cáo tài chính, Công ty và các công ty con có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2009 VNĐ	2008 VNĐ Đã điều chỉnh lại
<b>Các công ty liên quan</b>		
<b>Công ty Cổ phần Di động Trực tuyến</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	4.637.500.000	-
<b>Công ty Cổ phần Viễn thông hàng không</b>		
Bán hàng hóa và dịch vụ	9.037.724.684	-
<b>Thành viên Ban Giám đốc</b>		
Thù lao	1.417.777.067	866.960.000
Tiền lương	1.274.600.000	1.815.123.599
Thu nhập khác	-	169.864.000

**30. Cam kết**

**Hợp đồng thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2009 VNĐ	31/12/2008 VNĐ Đã điều chỉnh lại
Trong vòng một năm	8.165.615.405	2.944.302.036
Trong vòng hai đến năm năm	13.780.874.527	10.098.931.428
	21.946.489.932	13.043.233.464

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**31. Các khoản tiềm ẩn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty có các khoản nợ tiềm ẩn sau:

**(i) Thư tín dụng chưa thực hiện**

	<b>31/12/2009</b>
	<b>VNĐ</b>
Thư tín dụng chưa thực hiện	1.033.030.760

**(ii) Tuân thủ Thông tư 18/2007/TT-BTC liên quan đến công bố thông tin về cổ phiếu quỹ**

Vào ngày 6 tháng 10 năm 2009, Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư HIPT, một công ty con của Công ty, bán cổ phiếu của Công ty trị giá 22.320 triệu VNĐ mà công ty này mua lại từ một số cổ đông khác trong năm 2007.

Tại ngày mua năm 2007, do thiếu hướng dẫn chi tiết về các quy định kế toán tại Việt Nam về các giao dịch tương tự, Công ty ghi nhận giá trị này trong các báo cáo tài chính hợp nhất là một khoản đầu tư thay vì là cổ phiếu quỹ. Trong các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con, cổ phiếu do một công ty con hợp nhất nắm giữ cần được ghi nhận là cổ phiếu quỹ. Công ty đã phân loại lại đối với số liệu so sánh để ghi nhận các cổ phiếu này là cổ phiếu quỹ.

Công ty không công bố các thông tin về giao dịch liên quan đến số cổ phiếu quỹ này theo yêu cầu của Thông tư 18/2007TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 13 tháng 3 năm 2007 trên báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 và 2008. Ban lãnh đạo Công ty tin rằng sẽ có thể giải trình vấn đề này cho Trung tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và các khoản phạt, nếu có, do việc không thực hiện công bố thông tin theo yêu cầu về cổ phiếu quỹ sẽ không có ảnh hưởng trọng yếu đến các báo cáo tài chính của Tập đoàn.

**32. Sự kiện sau ngày trên bảng cân đối kế toán**

**Cổ tức công bố sau khi kết thúc năm**

Sau khi kết thúc năm tài chính Công ty công bố một khoản cổ tức là 19.066.528.000 VNĐ và số cổ phiếu thưởng theo tỷ lệ 100:57 tương đương với 5.433.960 cổ phiếu. Số tiền phải trả chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất này. Ảnh hưởng của cổ phiếu thưởng đã được bao gồm trong tính toán cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền và lãi cơ bản trên cổ phiếu (Thuyết minh 27).

**33. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2009</b>	<b>2008</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
		<b>Đã điều chỉnh lại</b>
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	498.553.872.003	396.074.813.511
Chi phí nhân công	31.815.043.458	18.420.116.064
Chi phí khấu hao	9.324.274.555	5.398.699.761
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.548.567.573	10.560.971.531
Chi phí khác	18.314.256.814	17.717.829.515

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

**34. Điều chỉnh lại các báo cáo tài chính năm trước**

	<b>Theo báo cáo trước đây VNĐ</b>	<b>Điều chỉnh lại VNĐ</b>	<b>Đã điều chỉnh lại VNĐ</b>
Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	22.612.543.291	(4.854.969.122)	17.757.574.169
Lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008	39.024.783.186	4.846.869.696	43.871.652.882
Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2008	40.758.977.813	(8.099.426)	40.750.878.387

Việc điều chỉnh lại các báo cáo tài chính năm trước mang lại các vấn đề sau:

*Ghi nhận doanh thu*

Trong năm trước, Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn hàng bán khi phát hành và nhận được hóa đơn chứ không phải dựa trên tỷ lệ hoàn thành dịch vụ. Các báo cáo tài chính của năm trước đã được điều chỉnh lại để ghi nhận doanh thu này dựa trên tỷ lệ hoàn thành theo các quy định của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam liên quan. Việc điều chỉnh trên dẫn đến tăng thêm doanh thu, giá vốn hàng bán và lợi nhuận sau thuế cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, tương ứng là xấp xỉ 11.387 triệu VNĐ, 5.214 triệu VNĐ và 6.137 triệu VNĐ, giảm lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2008 là 4.854 triệu VNĐ và tăng lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là xấp xỉ 1.319 triệu VNĐ.

*Các khoản dự phòng*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty chưa thực hiện đánh giá tính đầy đủ của dự phòng trợ cấp thôi việc và dự phòng bảo hành. Các báo cáo tài chính trong năm trước đã được điều chỉnh lại để ghi nhận các khoản dự phòng này theo các yêu cầu trong các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam liên quan. Việc điều chỉnh lại trên dẫn đến tăng chi phí quản lý chung và chi phí bán hàng, tương ứng là xấp xỉ 1.319 triệu VNĐ và 506 triệu VNĐ và giảm lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 1.825 triệu VNĐ.

*Hàng tồn kho và Dự phòng nợ khó đòi liên quan đến Dự án 112*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty ghi nhận hàng gửi đi bán trị giá 1.883 triệu VNĐ liên quan đến Dự án 112. Dự án này bắt đầu vào năm 2006 và chưa hoàn thành trong khi khả năng tiếp tục của Dự án là tương đối thấp. Do đó, hàng tồn kho này lẽ ra phải được xóa sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2008. Các báo cáo tài chính của năm trước đã được điều chỉnh lại để thể hiện khoản xóa sổ này. Theo đó, giá vốn hàng bán và lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 giảm cùng một giá trị.

Ngoài ra, trong năm trước, Công ty ghi nhận dự phòng nợ khó đòi trị giá 2.135 triệu VNĐ, trong khi đó doanh thu và các khoản phải thu liên quan của khoản dự phòng này chưa được ghi nhận. Các báo cáo tài chính trong năm trước đã được điều chỉnh lại để hoàn nhập khoản dự phòng trên. Theo đó, chi phí quản lý doanh nghiệp đã giảm đi cùng một giá trị.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

*Trích thiếu chi phí thuê văn phòng*

Trong năm trước, Công ty không ghi nhận chi phí thuê văn phòng trị giá 444 triệu VNĐ. Do đó các báo cáo tài chính trong năm trước đã được trình bày lại để ghi nhận khoản trích trước chi phí thuê văn phòng. Theo đó, chi phí quản lý doanh nghiệp đã tăng thêm 444 triệu VNĐ và lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 giảm đi cùng một giá trị.

*Đánh giá số dư bằng ngoại tệ*

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Công ty không ghi nhận toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại cuối năm các khoản phải trả và trả trước cho người bán bằng ngoại tệ. Các báo cáo tài chính cho năm trước đã được điều chỉnh lại để ghi nhận chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ việc đánh giá lại này. Theo đó, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 đã được điều chỉnh lại và tăng thêm tương ứng là 1.373 triệu VNĐ và 329 triệu VNĐ.

*Trích thiếu chi phí khấu hao*

Trong năm 2008, Công ty dùng trích khấu hao một số tài sản cố định hữu hình trong khi các tài sản này vẫn đang sẵn sàng để sử dụng. Các báo cáo tài chính trong năm trước đã phải điều chỉnh lại để ghi nhận các khoản khấu hao này theo yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam liên quan. Việc điều chỉnh lại trên dẫn đến tăng chi phí quản lý chung xấp xỉ 354 triệu VNĐ và giảm lợi nhuận cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng một giá trị.

Chi tiết việc điều chỉnh lại các khoản mục liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 và lợi nhuận thuần cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 như sau:

	<b>Theo báo cáo trước đây VNĐ</b>	<b>Điều chỉnh lại VNĐ</b>	<b>Đã điều chỉnh lại VNĐ</b>
<b>Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008:</b>			
Trả trước cho người bán	20.082.359.058	(6.172.917.559)	13.909.441.499
Phải thu theo tiến độ hợp đồng	-	28.559.416.317	28.559.416.317
Dự phòng nợ khó đòi	(3.124.919.781)	2.135.000.000	(989.919.781)
Hàng tồn kho	66.857.221.019	(13.402.535.628)	53.454.685.391
Tài sản cố định hữu hình – hao mòn lũy kế	(16.444.067.734)	(354.488.015)	(16.798.555.749)
Phải trả người bán	(45.202.208.001)	(8.502.857.254)	(53.705.065.255)
Chi phí phải trả	(195.287.500)	(444.294.760)	(639.582.260)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	(1.319.240.000)	(1.319.240.000)
Dự phòng	-	(506.182.527)	(506.182.527)
	<b>21.973.097.061</b>	<b>(8.099.426)</b>	<b>21.964.997.635</b>

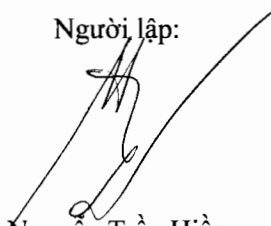
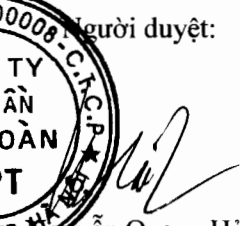
**Công ty Cổ phần Tập đoàn HIPT và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009**  
**(tiếp theo)**

	<b>Theo báo cáo trước đây VNĐ</b>	<b>Điều chỉnh lại VNĐ</b>	<b>Đã điều chỉnh lại VNĐ</b>
<b>Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008:</b>			
Tổng doanh thu	501.539.904.536	11.387.793.410	512.927.697.946
Giá vốn hàng bán	(397.972.468.113)	(5.071.873.822)	(403.044.341.935)
Doanh thu hoạt động tài chính	4.371.977.012	1.373.891.849	5.745.868.861
Chi phí tài chính	(14.518.296.632)	(328.811.700)	(14.847.108.332)
Chi phí bán hàng	(8.978.657.525)	(506.182.527)	(9.484.840.052)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(36.267.633.474)	16.977.225	(36.250.656.249)
Thu nhập khác	3.317.313.337	(2.024.924.739)	1.292.388.598
	<b>51.492.139.141</b>	<b>4.846.869.696</b>	<b>56.339.008.837</b>
Lợi nhuận chưa phân phối tại ngày 1 tháng 1 năm 2008	22.612.543.291	(4.854.969.122)	17.757.574.169
	<b>74.104.682.432</b>	<b>(8.099.426)</b>	<b>74.096.583.006</b>


### 35. Số liệu so sánh

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày năm nay như:

	<b>31/12/2008 (Phân loại lại) VNĐ</b>	<b>31/12/2008 (theo báo cáo trước đây) VNĐ</b>
Các khoản tương đương tiền	38.141.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	-	38.141.000.000
Đầu tư dài hạn khác	88.054.590.000	110.374.206.000
Cổ phiếu quỹ	23.471.256.000	1.151.640.000

Người lập:  Người duyệt: 

Nguyễn Trần Hiền  
Kế toán trưởng

 Nguyễn Quang Hải  
Tổng Giám đốc

30 -03- 2010